

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17/2026/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 21 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 115/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 262/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 268/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp

đổi mới sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng, ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Xét Tờ trình số 434/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 97/BC-VHXXH ngày 16 tháng 7 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2026.
2. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giao tổ chức chủ trì thực hiện trước ngày Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 có hiệu lực thi hành (01/10/2025) thì

tiếp tục thực hiện nội dung và mức chi theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc nhiệm vụ.

2. Đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giao tổ chức chủ trì thực hiện kể từ ngày Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 có hiệu lực thi hành (01/10/2025) thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này và các quy định pháp luật có liên quan.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận: *Đanh*

- Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ: Công Khoa học và Công nghệ; Tài chính, Tư pháp;
- Cục KTVB và tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Ban Thường vụ Tỉnh uỷ;
- Thường trực Tỉnh uỷ; HĐND tỉnh; UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh uỷ; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Thường trực Đảng uỷ; HĐND; UBND; UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ, việc làm, người có công tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Lò Minh Hùng



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học,
công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7
năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN.

b) Những nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước không quy định cụ thể tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN và các quy định pháp luật hiện hành của nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chi cho công tác quản lý, tìm kiếm nhiệm vụ, kiểm tra, giám sát, đánh giá, đo lường kết quả, hiệu quả, tác động hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm cả chi phí thuê chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn độc lập, tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tham vấn, lấy ý kiến, khảo sát trong nước.

Chi tổ chức đánh giá kết quả, hiệu quả, tác động của chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện và khi kết thúc nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Chi thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên các phương tiện truyền thông.

2. Chi hoạt động quản lý của cơ quan có thẩm quyền đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tổ chức khảo sát cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức chủ trì trước khi xem xét phê duyệt nhiệm vụ; tổ chức đoàn kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thuê chuyên gia tư vấn

độc lập, dịch vụ thuê ngoài phục vụ đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ; phân tích, đánh giá, kiểm định chất lượng dây chuyền công nghệ, sản phẩm, máy móc, thiết bị.

3. Chi Hội đồng thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Ủy ban nhân dân tỉnh; thuê chuyên gia tư vấn độc lập (*nếu cần*) thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Chi tổ chức hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm các loại hội đồng như sau: hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hội đồng xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; hội đồng đánh giá khả năng ứng dụng kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hội đồng để xác định danh mục nhiệm vụ đổi mới sáng tạo đặt hàng; hội đồng tư vấn chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; hội đồng điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hội đồng xác định danh mục các chương trình hỗ trợ thông qua phiếu hỗ trợ tài chính, phân bổ kinh phí đối với từng chương trình hỗ trợ thông qua phiếu hỗ trợ tài chính; hội đồng xây dựng khung chương trình hỗ trợ thông qua phiếu hỗ trợ tài chính; hội đồng xét duyệt đối tượng cung cấp và sản phẩm mới, dịch vụ mới; hội đồng xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay; hội đồng thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hội đồng tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển; hội đồng đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (*tổ chức; chương trình; chính sách, chiến lược*); hội đồng tư vấn để xem xét việc thu hồi hoặc hủy bỏ hiệu lực giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hội đồng tư vấn công nhận/hội đồng tư vấn chấm dứt, hủy bỏ hoặc từ chối chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực giấy công nhận Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo; hội đồng đánh giá, thẩm định, giám định công nghệ.

Chi cho tổ thẩm định kinh phí; tổ chuyên gia tư vấn; thù lao của thành viên ban chủ nhiệm chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Chi tổ chức xây dựng, tổ chức đánh giá kết quả, hiệu quả và tác động của chính sách, chiến lược, kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm, kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của địa phương, chi cho tổ chức đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định tại các Điều 47, 48 và 49 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP của Chính phủ, bao gồm cả chi phí thuê chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn độc lập, tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tham vấn, lấy ý kiến, khảo sát trong nước.

Điều 3. Một số mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Chi hoạt động của các Hội đồng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN, như sau:

a) Chi tiền thù lao của Hội đồng liên quan đến xét duyệt và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Đơn vị tính: 1.000 đồng/01 người/01 phiếu nhận xét

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chi Hội đồng: xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo; xác định danh mục đổi mới sáng tạo đặt hàng; xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vay; xác định danh mục các chương trình hỗ trợ tài chính, phân bổ kinh phí đối với từng chương trình hỗ trợ tài chính; tư vấn thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển		
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	
	Chủ tịch Hội đồng		1.800
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng		1.500
	Thư ký khoa học		300
	Thư ký hành chính		300
	Đại biểu được mời tham dự		200
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng		700
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện		1.000
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch Hội đồng		700
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên (ủy viên) Hội đồng		500
2	Chi Hội đồng tư vấn điều chỉnh hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		
a	Chi họp Hội đồng	Hội đồng	

	Chủ tịch Hội đồng		1.500
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.000
	Thư ký khoa học		300
	Thư ký hành chính		300
	Đại biểu được mời tham dự		200
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
	Nhận xét đánh giá của thành viên (ủy viên) Hội đồng		500
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, chuyên gia phản biện		700
3	Chi Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo		
a	Chi họp Hội đồng	01 Nhiệm vụ có 01 hoặc nhiều đơn vị có nhu cầu ứng dụng kết quả	
	Chủ tịch Hội đồng		1.800
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		1.500
	Thư ký khoa học		300
	Thư ký hành chính		300
	Đại biểu được mời tham dự		200
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng		700
	Nhận xét đánh giá của Chủ tịch Hội đồng, thành viên phản biện		1.000
4	Chi Hội đồng tư vấn đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược		

a	Chi hợp Hội đồng	Hội đồng	Theo công lao động thực tế và mức chi lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu (sau đây viết tắt là Thông tư số 004/2025/TT-BNV)
	Chủ tịch Hội đồng	Công	
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng	Công	
	Thư ký khoa học	Công	
	Thư ký hành chính	Công	
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét	
	Nhận xét đánh giá của thành viên Hội đồng		1.000
5	Chi thù lao chuyên gia tư vấn độc lập; chuyên gia tư vấn độc lập phục vụ Hội đồng; chuyên gia tư vấn độc lập tham gia Tổ chuyên gia.	Chuyên gia	1.500

b) Dự toán chi thù lao của Hội đồng thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Ủy ban nhân dân tỉnh bằng 150% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại số thứ tự 1 điểm a khoản 1 Điều này.

Dự toán thuê chuyên gia tư vấn độc lập (*nếu cần*) thẩm định chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Ủy ban nhân dân tỉnh được áp dụng theo số công lao động dự kiến để thực hiện thẩm định và mức chi lương của chuyên gia tư vấn quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV.

c) Dự toán chi thù lao của các Hội đồng khác quy định tại Điều 2 Quy định này nhưng chưa được quy định cụ thể tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này được áp dụng bằng 100 % mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại số thứ tự 1 điểm a khoản 1 Điều này.

d) Các nội dung chi khác (*thuê hội trường, văn phòng phẩm, nước uống, công tác phí và các chi phí cần thiết khác*) được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật (*nếu có*).

2. Chi hoạt động của Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Chi tiền thù lao:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1	Tổ trưởng Tổ thẩm định	Nhiệm vụ	1.000
2	Thành viên Tổ thẩm định	Nhiệm vụ	700
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	300
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	200

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định (*thuê hội trường, văn phòng phẩm, nước uống, công tác phí và các chi phí cần thiết khác*) được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật.

3. Chi thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên các phương tiện truyền thông (*báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác*): Thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (*nếu có*), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

4. Dự toán chi công tác kiểm tra đánh giá trong kỳ và đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá được xây dựng theo quy định tại Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Dự toán chi tiền thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập của đoàn đánh giá trong kỳ nhiệm vụ khoa học, công nghệ bằng 50% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại số thứ tự 1 và số thứ tự 5 điểm a khoản 1 Điều này.

c) Dự toán chi thù lao cho thành viên/chuyên gia tư vấn độc lập tham gia đánh giá cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo bằng 100% mức chi của Hội đồng xét tài trợ, đặt

hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại số thứ tự 1 và số thứ tự 5 điểm a khoản 1 Điều này.

5. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (*nếu có*) bằng 100% mức chi tối đa tại khoản 3 Điều 17 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về việc lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

6. Chi thù lao Ban Chủ nhiệm chương trình (*nếu có*): Mức chi thù lao các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chủ nhiệm chương trình áp dụng theo mức chi cho thành viên hội đồng của Hội đồng tư vấn đánh giá khả năng ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại số thứ tự 3 điểm a khoản 1 Điều này. Mức chi cho các hoạt động của Ban Chủ nhiệm chương trình thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Các khoản chi cho đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược, kế hoạch quy định tại khoản 5 Điều 2 Quy định này được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật có liên quan, bao gồm:

- a) Chi quản lý, lập kế hoạch và đánh giá;
- b) Chi xây dựng bộ tiêu chí, biểu mẫu, công cụ thu thập dữ liệu;
- c) Chi xây dựng, cập nhật, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác đánh giá;
- d) Chi tổng hợp, phân tích, thống kê kết quả đánh giá;
- đ) Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ đánh giá cho cán bộ, chuyên gia;
- e) Chi cho công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (*đoàn ra, đoàn vào*) phục vụ thực hiện đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- g) Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu phục vụ quá trình thực hiện đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- h) Chi công bố, tổng kết, công khai kết quả đánh giá;
- i) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ quá trình thực hiện đánh giá hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;
- k) Chi thù lao cho Hội đồng tư vấn đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ công lập, chương trình, chính sách, chiến lược thực hiện theo quy định tại số thứ tự 4 điểm a khoản 1 Điều này.

8. Chi tổ chức xây dựng kế hoạch về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 05 năm của Ủy ban nhân dân tỉnh được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Chi điều tra khảo sát, thu thập và phân tích thông tin: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân quy định nội dung và mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Sơn La và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Chi thuê chuyên gia tư vấn, tổ chức tư vấn độc lập để xây dựng hoặc đánh giá: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV; các chi phí cần thiết khác theo chế độ, định mức hiện hành (*nếu có*) và các báo giá liên quan.

c) Chi cho công tác tổ chức và phí tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước và ngoài nước; hợp tác quốc tế (*đoàn ra, đoàn vào*) phục vụ quá trình xây dựng và đánh giá chiến lược, kế hoạch: được áp dụng theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND; khoản 5 Điều 3 Quy định này; Nghị quyết số 99/2019/NQ-HĐND quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị quốc tế và tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Sơn La được sửa đổi bổ sung bởi Nghị quyết số 122/2025/NQ-HĐND; Thông tư số 140/2025/TT-BTC quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

d) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ quá trình xây dựng và đánh giá chiến lược, kế hoạch: Thực hiện chi theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ và quy định của pháp luật về đấu thầu trong phạm vi dự toán kinh phí cho nhiệm vụ này đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Chi công tác thông tin, tuyên truyền, công bố chiến lược, kế hoạch; công bố kết quả đánh giá trên các phương tiện truyền thông (*báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác*): Thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (*nếu có*), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

e) Các khoản chi khác như chi mua báo cáo, tài liệu, dữ liệu chuyên sâu để phục vụ quá trình xây dựng; đánh giá chiến lược, kế hoạch: thực hiện theo quy định pháp luật về chế độ và định mức chi ngân sách nhà nước (*nếu có*), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. 